

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 66A /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 04 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa người dân tộc Thái tại xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa người dân tộc Thái tại xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 07/DLCD ngày 18/02/2025 của Công ty TNHH Bảo tồn và phát triển du lịch cộng đồng về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1151/STNMT-BVMT ngày 28/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa người dân tộc Thái (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty TNHH Bảo tồn và phát triển du lịch cộng đồng làm

chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Châu Kim, huyện Quế Phong với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quế Phong; Chủ tịch UBND xã Châu Kim; Giám đốc Công ty TNHH Bảo tồn và phát triển du lịch cộng đồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ BẢO TỒN VĂN HÓA NGƯỜI DÂN TỘC
THÁI TẠI XÃ CHÂU KIM, HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN.**

(kèm theo Quyết định số 661/QĐ-UBND
ngày 04/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa người dân tộc Thái.
- Địa điểm thực hiện: xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Bảo tồn và phát triển du lịch cộng đồng.
- + Đại diện: ông Nguyễn Đức Quyền; Chức vụ: Giám đốc;
- + Địa chỉ: nhà số 2, Ngõ 5, đường Phong Định Cảng, khối 3, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- + Số điện thoại: 0387 431 675.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi: thi công theo Quyết định số 165/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 22/7/2021, điều chỉnh lần thứ 1 ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND huyện Quế Phong về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa người dân tộc Thái tại xã Châu Kim, huyện Quế Phong.

- Quy mô dự án:

- + Quy mô xây dựng: diện tích lập quy hoạch: 38.279,48m².
- + Quy mô cán bộ nhân viên và khách hàng: khoảng 80 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.3.1. Các hạng mục công trình:

a. Các hạng mục công trình chính:

- Nhà sinh hoạt cộng đồng, cao 01 tầng, DTXD 500,0 m².
- Nhà giao lưu ẩm thực dân tộc Thái, cao 01 tầng, DTXD 200,0 m².
- Nhà bảo tồn văn hóa, cao 01 tầng, DTXD 120,0 m².
- Nhà lưu trú số 1 (03 nhà), cao 01 tầng, tổng DTXD $98,0 \times 3 = 294,0\text{m}^2$.
- Nhà lưu trú số 2 (02 nhà), cao 01 tầng, tổng DTXD 257,15m².
- Nhà lưu trú số 3 (03 nhà), cao 01 tầng, tổng DTXD $50,05 \times 3 = 150,15\text{m}^2$.

- Nhà lưu trú số 4, cao 01 tầng, DTXD 148,40 m².

- Nhà Lũ, cao 01 tầng, DTXD 29,25 m².

- Am thổ thân, DTXD 1,27 m².

b. Các hạng mục phụ trợ:

- Công chính.

- Bể nước, DTXD 11,29 m² và điểm dừng nghỉ, diện tích khuôn viên 115,47 m².

- Hồ nước, DTXD 647,55 m².

- Bãi đỗ xe, DTXD 954,10 m².

- Ruộng bậc thang, DTXD 14.304,10 m².

- Cây xanh, cảnh quan, DTXD 4.502,31 m².

c. Các hạng mục bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: cống thoát nước thải D300 dài 178,18m; cống thoát nước D250 dài 709,56m; hố ga 16 cái.

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn mương bê tông cốt thép D300 chiều dài 1330m, hố ga 52 cái.

- Bể tự hoại: 05 bể có tổng dung tích 50m³.

- Bể tách dầu mỡ, 01 bể có dung tích 2m³.

- Bể lắng lọc – khử trùng 3 ngăn: 01 bể công suất 12m³/ngày.đêm.

- Rác thải sinh hoạt: được thu gom trong các thùng nhựa theo quy định và bố trí hợp lý tại nhà sinh hoạt công đồng và các nhà lưu trú, hàng ngày chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý.

- Chất thải nguy hại: do khối lượng phát sinh ít nên được thu gom và thuê đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

1.3.2. Các hoạt động của dự án:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bồi thường, san nền, giải phóng mặt bằng.

- Bóc đất hữu cơ.

- Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công xây dựng các hạng mục của dự án; hoạt động thi công xây dựng công trình.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách đến tham quan, lưu trú.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Khu vực thực hiện dự án thuộc vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động giải phóng mặt bằng, bóc đất, san nền, vận chuyển và thi công xây dựng công trình; hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động đến môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất của dự án, sức khỏe cán bộ công nhân và môi trường xung quanh dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng đến tham quan, lưu trú tác động đến môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất của dự án, khu vực xung quanh và nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân thi công phát sinh với quy mô tối đa: $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải thi công tại khu vực ra vào công trình do hoạt động xịt rửa xe, phương tiện và các thiết bị thi công phát sinh với quy mô tối đa: $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chứa nhiều cặn lơ lửng và có độ pH cao.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực công trình thi công với quy mô tối đa: $3.590,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chủ yếu gồm các chất lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi như đất, cát, vật liệu xây dựng... do hoạt động thi công chưa được dọn dẹp, thiết bị thi công.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh với quy mô tối đa: $6,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích khu vực dự án với lưu lượng phát sinh tối đa: $3.590,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần, tính chất: chất cặn bã, đất, cát, rác và các tạp chất,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bóc đất hữu cơ, san lấp mặt bằng, hoạt động thi công xây dựng, hoạt động của máy móc,...; thành phần: chủ yếu là bụi và các khí độc như CO_x , SO_2 , NO_2 ,...

b. Giai đoạn vận hành:

- Nguồn phát sinh: bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng; mùi, khí thải từ quá trình nấu nướng của nhà ăn; mùi từ hệ thống thu gom, thoát nước thải và khu vực tập kết rác thải.

- Thành phần: bụi, CO_x , NO_x , SO_x , NH_3 ,...

3.2. Chất thải rắn thông thường:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công phát sinh khoảng 25 kg/ngày. Thành phần gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, bìa carton,...); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh với khối lượng: đất san ủi $42,79m^3$; đất đào móng công trình $840m^3$; chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng 1,47 tấn. Thành phần chủ yếu cây bụi, cỏ dại, cành lá cây, bùn đất, đá thải, bao bì đựng xi măng, vữa xi măng rơi vãi, gạch đá vụn, sắt thép vụn,...

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ nhân viên và khách hàng phát sinh 40 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, bìa carton,...); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 6kg/tháng từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị thi công trên công trường; thành phần gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, vỏ thùng sơn,...

b. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 6 kg/tháng từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng; thành phần gồm pin, ắc quy thải; bóng đèn; giẻ lau dính mỡ; túi nilon dính thành phần nguy hại; dầu máy thải; thùng can đựng dầu nhớt,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công (máy xúc, máy trộn bê tông, xe tải,...).

- Độ rung phát sinh từ hoạt động của các loại máy móc lớn thi công san lấp, vận chuyển nguyên vật liệu.

b. Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông; hoạt động của máy phát điện, điều hòa.

3.4. Các tác động khác:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tác động của việc chiếm dụng đất: việc triển khai dự án làm thay đổi lâu dài mục đích sử dụng đất và việc đền bù, thu hồi đất có thể làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư.

- Tác động đến hệ sinh thái: xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình kiến trúc dẫn đến hệ thực vật, động vật ở đây bị suy giảm.

- An toàn lao động: trong quá trình xây dựng có thể phát sinh những sự cố về lao động ảnh hưởng đến công nhân và những đối tượng khác.

- Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trong khu vực.

b. Giai đoạn vận hành:

- Giao thông khu vực: làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường trong khu vực, mặt khác còn làm xuống cấp tuyến đường và tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường này.

- Tác động đến kinh tế - xã hội địa phương: gia tăng dân số cơ học gây ra các vấn đề phức tạp trong việc ổn định văn hóa và trật tự an ninh tại khu vực dự án; gây áp lực lớn đến cơ sở hạ tầng giao thông.

- Tác động đến hệ sinh thái lưu vực tiếp nhận nước thải: chất lượng nước của khe nước khu vực có khả năng bị biến đổi do các thành phần bị ô nhiễm trong nước thải của dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Đào mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án, dọc tuyến bố trí các hố ga để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án trước khi chảy ra hệ thống thoát nước của khu vực;

+ Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trước và hoàn thiện trước mùa mưa; thi công gọn từng hạng mục, làm đến đâu xong đến đó, đầm nén đất đá, gia cố taluy đường;

+ Không tập trung các loại nguyên, vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát, rò rỉ vào đường thoát nước.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại của nhà hiện trạng nhận chuyển nhượng;

+ Đối với nước thải vệ sinh tay chân: thu gom vào hồ lắng cát sỏi kích thước $2m \times 1m \times 1m$ bố trí gần công ra vào dự án để xử lý lắng cặn cùng nước thải thi công trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước thải xây dựng: từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, nước rửa bánh xe ra vào dự án được dẫn vào hồ lắng lọc 2 ngăn dung tích $2m^3$ ($2m \times 1m \times 1m$), bố trí gần công ra vào dự án để lắng cặn, trước khi chảy ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Ưu tiên sử dụng công nhân tại địa phương, tự túc chỗ ăn ở địa phương để hạn chế tối đa lượng chất thải sinh hoạt phát sinh.

b. Giai đoạn vận hành:

- Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn mương bê tông cốt thép D300 chiều dài 1330m, hố ga 52 cái;

+ Định kỳ nạo vét các hố ga, mương để tránh tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Quy trình xử lý: nước thải từ bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn (đã được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ) và nước thải rửa tay chân → đường ống PVC DN110 → bể lắng lọc – khử trùng 3 ngăn → nước thải sau xử lý đạt chuẩn xả ra khe nước của khu vực trước khi chảy về nguồn tiếp nhận.

+ Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ được thu gom vào bể lắng lọc – khử trùng 03 ngăn dung tích $12m^3$ của dự án để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, C_{max} (K=1,2) trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

+ Nguồn tiếp nhận: sông Nậm Giải đoạn đi qua xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

+ Tọa độ vị trí xả thải: X = 2167422 (m), Y = 0514172 (m);

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy;

+ Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ/ngày.đêm);

+ Quy chuẩn áp dụng: cột B (K =1,2), QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- + Lưu lượng xả lớn nhất: 6,5 m³/ngày.đêm.
- + Hóa chất sử dụng: chlorine cho ngăn khử trùng.
- * Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Việc xử lý nước thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Phủ bạt kín thùng xe khi vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đến chân công trình.

- Bố trí biển hạn chế tốc độ đối với các phương tiện chở vận liệu xây dựng và lưu thông vào khu vực dự án;

- Lắp lưới chắn bụi (cao 2-3m) khi tiến hành thi công công trình gần nhà dân.

- Dọn vệ sinh khuôn viên dự án và đoạn đường vào dự án cuối buổi làm việc.

- Tưới ẩm khu vực thi công trong những ngày nắng; thường xuyên phun nước tại các sân bãi tập kết vật liệu xây dựng; tưới ẩm tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu với tần suất 2 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô hanh, gió lớn.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ dự án.

b. Giai đoạn vận hành:

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên để hạn chế ô nhiễm, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện: xung quanh khu vực đặt máy phát điện được bọc bởi tường bê tông cốt thép, lót đệm cao su để cách âm và chống rung.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải kín và có hệ thống thoát khí ra ngoài.

- Khu vực nhà bếp sử dụng các nhiên liệu đốt sạch; bố trí các bộ hút và lọc khói trước khi thải ra môi trường.

- Chất thải rắn thải sinh hoạt phải được vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ... và mùi hôi thối vào môi trường không khí.

- Bố trí biển báo, gờ giảm tốc trước khi vào dự án và trong khuôn viên dự án.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom khí thải, giảm thiểu mùi theo đúng quy định.

- Việc xử lý bụi, khí thải từ dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 03 thùng dung tích 120 lít có màu/lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau:

- 01 thùng đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy,...

- 01 thùng đựng chất thải thực phẩm như rau, củ quả, thức ăn thừa,...

- 01 thùng đựng chất thải chất thải sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế) như: túi nilon, hộp đựng thực phẩm,...

* Chất thải rắn xây dựng:

- Chất thải rắn do quá trình thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,... thu gom và bán phế liệu hàng ngày;

+ Bê tông hỏng, vôi vữa hỏng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng... được tận dụng san lấp mặt bằng thi công san nền;

+ Ván cốp pha, cọc chống hỏng trong và sau khi thi công Dự án thu gom và bán cho nhân dân trong vùng để sử dụng vào các mục đích khác như đun nấu hoặc sử dụng lại cho các công trình xây dựng khác;

+ Đối với đất đào hố móng: sử dụng cho làm đường giao thông, trong việc hoàn lấp hố móng và san lấp mặt bằng.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom trong các thùng nhựa theo quy định và bố trí hợp lý tại nhà sinh hoạt công đồng và các nhà lưu trú, hàng ngày chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa chuyên dùng có màu/lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau:

+ Đối với chất thải thực phẩm: được thu gom vào thùng rác riêng biệt, có lót túi và có màu xanh lá cây, dán nhãn và được bố trí tại các khu nhà lưu trú, nhà bảo tồn văn hóa, nhà giao lưu cộng đồng... Hàng ngày, chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định;

+ Các loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế như: giấy vụn, thùng carton, vỏ lon,... được thu gom vào thùng rác riêng biệt, có lót túi màu xanh nước biển, dán nhãn và được bố trí tại các khu nhà lưu trú, nhà bảo tồn văn hóa, nhà giao lưu cộng đồng... Hàng ngày, chất thải rắn tái chế đựng trong túi được nhân viên vệ sinh chuyên về lưu giữ và định kỳ 01 tháng/01 lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý;

+ Các loại chất thải rắn sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế) được thu gom vào thùng rác riêng biệt, có lót túi và có màu đen, dán nhãn và được bố trí tại các khu nhà lưu trú, nhà bảo tồn văn hóa, nhà giao lưu cộng đồng...Hàng ngày, chất thải rắn tái chế đựng trong túi được nhân viên vệ sinh chuyên về kho lưu giữ và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương hàng ngày đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải thông thường: với bùn thải từ bể lắng 03 ngăn và các hố ga được Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đúng nơi quy định.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Chất thải nguy hại: do khối lượng phát sinh ít nên được thu gom và thuê đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bố trí 02 thùng composit dung tích 120 lít chứa chất thải nguy hại (01 thùng đựng CTNH dạng rắn, 01 thùng đựng CTNH dạng lỏng) có nắp đậy và dán nhãn theo đúng quy định để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng.

- Bố trí khu vực lưu chứa với diện tích khoảng 5m² có gắn biển cảnh báo nguy hại tại công trường, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thu gom và quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

b. Giai đoạn vận hành:

- Bố trí 06 thùng composit dung tích 120 lít chứa chất thải nguy hại có nắp đậy và dán nhãn theo đúng quy định để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại dự án.

- Do khối lượng chất thải ít nên được chủ đầu tư bố trí nơi thu gom, lưu giữ theo các quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Khu vực lưu chứa được thiết kế theo đúng quy định phù hợp với phương án phòng cháy, rò rỉ, chống tràn đổ và bảo đảm tách riêng các chất không tương thích.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 năm/lần đảm bảo bàn giao chất thải đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận ký kết và có chứng từ chất thải nguy hại.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với tiếng ồn:

+ Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công cùng một lúc các công đoạn có phát ra tiếng động lớn; không đổ bê tông sau 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau;

+ Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện thi công, nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn;

+ Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận;

+ Các phương tiện máy móc khi chưa thi công thì phải tắt máy;

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như: máy trộn bê tông, xe ủi.

- Đối với tác động do độ rung:

+ Chống rung tại nguồn: kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế chế độ tải làm việc,...;

+ Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (đệm đàn hồi, gối đàn hồi cao su,...) sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung;

+ Bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

b. Giai đoạn vận hành:

- Lắp đặt đệm cao su chống rung chống ồn cho máy phát điện.

- Trồng cây xanh để hạn chế lan truyền tiếng ồn, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Phòng ngừa sự cố thiên tai: phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc chủ động phòng chống thiên tai, không để xảy ra các sự cố gây thiệt hại về người và tài sản trên các công trường.

- Phương án phòng chống cháy nổ: tuân thủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

- Đối với tai nạn lao động: tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công.

- Giảm thiểu tai nạn giao thông: bố trí người điều tiết giao thông khi xe chở nguyên vật liệu ra vào công trường dự án. Đặt biển báo hiệu công trường đang thi công chỉ dẫn với tốc độ lưu thông tối đa đoạn đi qua khu vực dự án là 5km/h.

- Các biện pháp giảm thiểu sự cố ngập úng:

+ Định kỳ nạo vét các tuyến mương để khơi thông dòng chảy trước và sau mưa;

+ Định kỳ hàng năm duy tu, sửa chữa hệ thống nắp chắn rác, hồ ga, mương thoát nước.

b. Giai đoạn vận hành:

- Phòng chống sự cố xử lý nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra, định kỳ tiến hành bảo dưỡng;

+ Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật;

+ Lắp đặt các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó khi hệ thống thu gom và bể lắng gặp sự cố;

+ Xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập về ứng phó sự cố.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

- Các biện pháp giảm thiểu của chiếm dụng đất: phối hợp với UBND xã Châu Kim thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng cho người dân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng:

Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn.

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định.

- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 26/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ngày 30/7/2024 Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Định kỳ chuyên giao chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích đất lúa và các thủ tục khác có liên quan theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động dự án.

6.3. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.6. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.7. Cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý về thông tin và danh sách các thành viên trực tiếp tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.8. Cam kết thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư và UBND xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An./

